

HỒ SƠ CHÀO HÀNG

Tên gói thầu: Thi công kho lưu trữ chất thải nguy hại.

Phát hành ngày: Ngày 28 tháng 08 năm 2026

Ban hành kèm theo Quyết định số: 0861/QĐ-PVSM, ngày 28 tháng 08 năm 2026

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 08 năm 2026

**CÔNG TY TNHH MTV ĐÓNG TÀU
VÀ CÔNG NGHIỆP CƠ KHÍ DẦU KHÍ
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lê Bá Trường

TỔ CHUYÊN GIA

TỔ TRƯỞNG	TỔ VIÊN	TỔ VIÊN	TỔ VIÊN
			
Lê Trọng Tuấn	Nguyễn Đình Tiến	Phạm Quang Lý	Phan Tấn Vũ

MỤC LỤC

- **Mô tả tóm tắt**
- **Từ ngữ viết tắt**
- **Chương I. Yêu cầu nộp hồ sơ chào giá**
- **Chương II. Biểu mẫu chào hàng và chào giá**
- **Chương III. Dự thảo hợp đồng**

MÔ TẢ TÓM TẮT

Chương I. Yêu cầu nộp báo giá

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị báo giá. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, dịch vụ phi tư vấn áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh.

Chương II. Biểu mẫu Biểu mẫu chào hàng và chào giá

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Bên mời thầu và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của yêu cầu báo giá và báo giá.

Chương III. Dự thảo hợp đồng

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

Chương này được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word do Bên mời thầu chuẩn bị theo mẫu.

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

TMT/TBMT	Thư mời thầu/Thông báo mời thầu
VND	đồng Việt Nam
Hồ sơ chào hàng	là thư do PVSM ban hành gửi cho NCC/NT
Hồ sơ chào giá	là hồ sơ chào giá do NCC/NT gửi đến PVSM
Biểu mẫu	Gồm các biểu mẫu mà Bên mời thầu và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của yêu cầu báo giá và báo giá
PDF	Định dạng tài liệu được cố định theo tiêu chuẩn của hãng Adobe Systems để tài liệu được hiển thị như nhau trên mọi môi trường làm việc
Excel	Định dạng tài liệu theo dạng bảng biểu của hãng Microsoft dùng trong việc tính toán, nhập dữ liệu
Word	Định dạng tài liệu theo dạng văn bản của hãng Microsoft dùng trong việc trình bày, nhập dữ liệu

Chương I. YÊU CẦU NỘP HỒ SƠ CHÀO GIÁ

Mục 1. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Hạch toán tài chính độc lập;
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
4. Là doanh nghiệp cấp nhỏ hoặc siêu nhỏ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp trong trường hợp nhà thầu tham dự.

Mục 2. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc theo yêu cầu của yêu cầu báo giá vào các Mẫu trong Chương II.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với giá đã chào.

2. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn chào hàng (bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong yêu cầu báo giá, giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giá trị giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu.

Mục 3. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng;
2. Biểu giá theo Mẫu trong Chương II (tùy theo loại gói thầu);

Mục 4. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào thấp nhất và không vượt giá gói thầu được duyệt.

Mục 5. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng.

Mục 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Điều 9 Chương III.

Mục 7. Giải quyết khiếu nại

Nhà thầu có quyền khiếu nại về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

Mục 8. Các yêu cầu khác

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

TCDG về mặt kỹ thuật sử dụng tiêu chí "đạt", "không đạt". HSCG Nhà thầu được đánh giá là đạt về mặt kỹ thuật khi tất cả các nội dung đánh giá nêu ở các tiêu chí chi tiết từ 1 đến 6 được xác định là "đạt" hoặc "chấp nhận được". Chi tiết cụ thể theo bảng sau:

1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Đối với các vật tư, vật liệu xây dựng công trình	Có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc	Đạt
	Không có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc	Không đạt
Kết luận	Tiêu chí chi tiết được xác định là đạt	Đạt
	Tiêu chí chi tiết được xác định là không đạt	Không đạt

2. Giải pháp kỹ thuật:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Tổ chức mặt bằng công trường	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng	Đạt
	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng nhưng thiếu giải pháp kỹ thuật về lán trại	Chấp nhận được
	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chí chi tiết được xác định là đạt hoặc chấp nhận được.	Đạt
	Không thuộc các trường hợp nêu trên	Không đạt

3. Biện pháp tổ chức thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Mô tả biện pháp thi công các công việc của từng hạng mục theo đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật.	Có đề xuất về biện pháp, công nghệ thi công theo đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật	Đạt
	Đề xuất không đầy đủ về biện pháp, công nghệ thi công theo đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật	Không đạt
Kết luận	Tiêu chí chi tiết được xác định là đạt	Đạt

	Tiêu chí chi tiết được xác định là không đạt	Không đạt
--	--	------------------

4. Tiến độ thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
4.1. Thời gian thi công: đảm bảo thời gian thi công không quá 60 ngày có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 60 ngày (kể từ ngày bàn giao mặt bằng thi công)	Đạt
	Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 60 ngày	Không đạt
4.2. Tính phù hợp: a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a) và b)	Đạt
	Đề xuất không đủ 2 nội dung a) và b)	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chí chi tiết đều được xác định là đạt	Đạt
	Có 1 tiêu chí chi tiết được xác định là không đạt	Không đạt

5. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:

Nội dung yêu cầu		Mức độ đáp ứng	
5.1. An toàn lao động			
Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt	
	Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. Không có bố trí cán bộ kỹ thuật chuyên trách, bán chuyên trách có chứng chỉ huấn luyện về công tác an toàn lao động	Không đạt	
5.2. Phòng cháy, chữa cháy			
Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt	
	Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt	
5.3. Vệ sinh môi trường			
Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt	
	Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt	
Kết luận	Cả 3 tiêu chí chi tiết đều được xác định là đạt	Đạt	
	Có 1 tiêu chí chi tiết được xác định là không đạt	Không đạt	

6. Bảo hành của nhà thầu:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Bảo hành		
Thời gian bảo hành 12 tháng (kể từ ngày nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng)	Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng	Đạt
	Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng	Không đạt
Kết luận	Tiêu chí chi tiết được xác định là đạt	Đạt
	Tiêu chí chi tiết được xác định là không đạt	Không đạt

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi các tiêu chí 1, 2, 3, 4, 5 và 6 được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chí 1, 2, 3, 4, 5 và 6 thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Chương II. BIỂU MẪU CHÀO HÀNG VÀ CHÀO GIÁ

Stt	Biểu mẫu	Cách thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Bên mời thầu	Nhà thầu
I	Biểu mẫu cho gói thầu mua sắm hàng hóa	Gửi kèm HSCH		
1	Mẫu số 01A. Phạm vi cung cấp và tiến độ thực hiện		X	
2	Mẫu số 01B. Các dịch vụ liên quan		X	
3	Mẫu số 02. Bảng đề xuất tiến độ			X
4	Mẫu số 03. Bảng giá dự thầu của hàng hóa			X
5	Mẫu số 04. Bảng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan			X
II	Biểu mẫu cho gói thầu xây lắp			
1	Mẫu số 01. Bảng khối lượng mời thầu và tiến độ thực hiện		X	
2	Mẫu số 02. Yêu cầu nhân sự chủ chốt		X	
3	Mẫu số 03. Bảng đề xuất nhân sự			X
4	Mẫu số 04. Bảng tiến độ thực hiện			X
5	Mẫu số 05. Bảng tổng hợp giá dự thầu			X
6	Mẫu số 06. Cam kết thực hiện gói thầu xây lắp			X
III	Đơn chào hàng (chung cho 3 loại gói thầu xây lắp, hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn)	Gửi kèm HSCH		
1	Đơn chào hàng			X

BẢNG KHỐI LƯỢNG MỜI THẦU VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN
(gói thầu xây lắp)

Bên mời thầu liệt kê danh mục các hạng mục xây lắp liên quan để thực hiện gói thầu theo bảng sau:

Tiến độ thực hiện gói thầu		60 ngày		
STT	Tên công tác	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Đơn vị	Khối lượng
I	PHẦN XÂY DỰNG			
1	Phát quang, dọn mặt bằng bằng thủ công kết hợp cơ giới		m2	1.024,0
	32*32 = 1024			
2	Đào móng công trình, chiều rộng móng <= 6m, bằng máy đào 1,25m3, đất cấp III		100m3	3,0069
3	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 4x6, mác 150		m3	13,8720
4	Ván khuôn thép. Ván khuôn móng cột		100m2	1,3986
5	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép móng, đường kính cốt thép <= 10mm		tấn	0,1710
	(171)/1000 = 0,171			
6	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép móng, đường kính cốt thép <= 18mm		tấn	1,920
	(290+1034+222+374)/1000 = 1,92			
7	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 1x2, mác 250		m3	41,7710
8	Đắp đất công trình bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,90		100m3	2,4505
9	Xây móng bằng đá chẻ 15x20x25, vữa XM mác 75		m3	7,20
10	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép xà dầm, giằng, đường kính cốt thép <= 10mm, chiều cao <= 6m		tấn	0,2380
11	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép xà dầm, giằng, đường kính cốt thép <=		tấn	1,140

	18mm, chiều cao $\leq 6m$				
12	Ván khuôn thép, khung xương thép, cột chống bằng thép ống. Ván khuôn xà, dầm, giằng, chiều cao $\leq 28m$		100m ²		1,050
13	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông xà dầm, giằng nhà, chiều cao $\leq 6m$, đá 1x2, mác 250		m ³		10,50
14	Đắp cát công trình bằng máy lu bánh thép 9T, độ chặt yêu cầu $K=0,90$		100m ³		2,7599
15	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép nền đường kính cốt thép $\leq 10mm$		tấn		1,9710
16	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông nền, đá 1x2, mác 250		m ³		201,9952
17	Cắt jion nền ô 5mx5m		m ²		876,160
18	Xoa nền		m ²		876,160
19	Sơn vạch phân ô bằng sơn Epoxy		m		210,0
20	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép cột, trụ, đường kính cốt thép $\leq 10mm$, chiều cao $\leq 6m$		tấn		0,0330
21	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép cột, trụ, đường kính cốt thép $\leq 18mm$, chiều cao $\leq 6m$		tấn		0,3130
22	Ván khuôn thép, khung xương thép, cột chống bằng thép ống. Ván khuôn cột vuông, chữ nhật, chiều cao $\leq 28m$		100m ²		0,2880
23	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông cột, tiết diện cột $\leq 0,1m^2$, chiều cao $\leq 6m$, đá 1x2, mác 250		m ³		1,440
24	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép xà dầm, giằng, đường kính cốt thép $\leq 10mm$, chiều cao $\leq 6m$		tấn		0,0850
25	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép xà dầm, giằng, đường kính cốt thép $\leq 18mm$, chiều cao $\leq 6m$		tấn		0,290
26	Ván khuôn thép, khung xương thép, cột chống bằng thép ống. Ván khuôn xà, dầm, giằng, chiều cao $\leq 28m$		100m ²		0,2148
27	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông xà dầm, giằng nhà, chiều cao $\leq 6m$, đá 1x2, mác 250		m ³		2,1480
28	Gia công vì kèo thép hình khẩu độ lớn, khẩu độ 18-24 m		tấn		18,0499
29	Lắp dựng vì kèo thép khẩu độ $> 18 m$		tấn		18,0499
30	Sản xuất và lắp đặt ti giằng D14		cái		182,0
31	Sản xuất và lắp đặt cáp giằng D16 bao gồm tăng đỡ		md		266,0
32	Sản xuất và lắp đặt Bu lông neo D28 dài 650		cái		88,0
33	Sản xuất và lắp đặt Bu lông D22		cái		544,0

34	Gia công xà gỗ thép			tấn	10,0802
35	Lắp dựng xà gỗ thép			tấn	10,0802
36	Sơn sắt thép bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ			m2	1.371,4955
37	Lợp mái che tường bằng tôn múi chiều dài bất kỳ tôn dày 0.45mm			100m2	9,7246
38	Lắp đặt cùm chống bão			cái	8.100,0
39	SXLD máng tole dày 0.5 ly			md	60,80
40	Lợp mái che tường bằng tôn múi chiều dài bất kỳ 0.4mm			100m2	5,7844
41	Xây tường bằng gạch bê tông rỗng 6 lỗ (7,5x11x17), chiều dày >11 cm, cao <=4 m, vữa XM mác 75			m3	38,4370
42	Trát tường xây gạch không nung bằng vữa thông thường, trát tường ngoài, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75			m2	219,640
43	Trát tường xây gạch không nung bằng vữa thông thường, trát tường trong, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75			m2	219,640
44	Trát trụ, cột, lam đứng, cầu thang, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75			m2	14,40
45	Trát xà dầm, vữa XM mác 75			m2	21,480
46	Quét vôi 3 nước trắng			m2	474,680
47	Sơn dầm, trần, cột, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ			m2	237,340
48	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ			m2	237,340
49	SXLD cửa sắt kéo đẩy bao gồm phụ kiện ray trượt, hệ đồ cửa... hoàn thiện			m2	48,0
50	SXLD cửa sắt sô lá sách khung nhôm			m2	26,40
51	Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát nối bằng phương pháp dán keo đoạn ống dài 6m, đường kính ống 110mm			100m	0,720
52	Lắp đặt côn, cút nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đường kính côn, cút 110mm			cái	24,0
53	SXLD cùm ống			cái	48,0
54	SXLD cầu chấn rác Inox 304 d110			cái	12,0
55	Lắp dựng dàn giáo ngoài, chiều cao <= 16 m			100m2	7,20
56	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo trong, chiều cao chuẩn 3,6m			100m2	9,0
II PHÂN ĐIỆN					
57	Lắp đặt các aptomat loại 1 pha, cường độ dòng điện <= 50Ampere			cái	1,0
58	Lắp đặt các aptomat loại 1 pha, cường độ dòng điện <= 50Ampere			cái	2,0

59	Lắp đặt các loại đèn có chao chụp - Đèn sát trần (đèn Highbay HB01L 350/70W)			bộ	8,0
60	Lắp đặt hộp nối, hộp phân dây, hộp công tắc, hộp cầu chì, hộp automat, diện tích hộp <= 40cm ²			hộp	8,0
61	Lắp đặt công tắc - 1 hạt trên 1 công tắc			cái	8,0
62	Lắp đặt ổ cắm ba			cái	8,0
63	Lắp đặt dây đơn <= 2,5mm ²			m	180,0
64	Lắp đặt dây đơn <= 4mm ²			m	60,0
65	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột <= 10mm ²			m	80,0
66	Lắp đặt ống nhựa đặt chìm bảo hộ dây dẫn, đường kính <= 27mm			m	200,0
67	Lắp đặt hộp nối, hộp phân dây, hộp công tắc, hộp cầu chì, hộp automat, diện tích hộp <= 225cm ²			hộp	1,0
68	Gia công và đóng cọc chống sét			cọc	1,0
69	Kéo rai dây chống sét theo tường, cột và mái nhà - Loại dây đồng 50mm ²			m	5,0
III	THOÁT NƯỚC				
70	Đào san đất bằng máy đào 0,4 m ³ , đất cấp III			100m ³	0,2647
71	Đổ bê tông thi công bằng máy trộn, bê tông móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 1x2, mác 150			m ³	0,7480
72	Đổ bê tông thi công bằng máy trộn, bê tông nền đáy, chiều rộng <= 250 cm, đá 1x2, mác 250			m ³	4,140
73	Đổ bê tông thi công bằng máy trộn, bê tông tường chiều dày <= 45cm, chiều cao <= 6m, đá 1x2, mác 250			m ³	6,6240
74	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn tường thẳng, chiều dày <= 45 cm			100m ²	1,2984
75	Trát tường ngoài, chiều dày trát 2cm, vữa XM mác 75			m ²	129,840
76	Đổ bê tông đúc sẵn bằng thủ công - sản xuất bằng máy trộn. Bê tông tấm đan, mái hắt, lanh tô, đá 1x2, mác 200			m ³	0,60
77	Gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn. Ván khuôn gỗ, ván khuôn nắp đan, tấm chóp			100m ²	0,060
78	Gia công, lắp đặt cốt thép bê tông đúc sẵn. Cốt thép tấm đan, hàng rào, cửa sổ, lá chóp, nan hoa, con sơn			tấn	0,0591
79	Lắp đặt song chắn rác bằng Composite 400x1000 trọng tải >= 15 tấn			tb	54,0
80	Lắp dựng cầu kiện bê tông đúc sẵn. Lắp tấm đan			cái	8,0
IV	CHỐNG SÉT				
81	Đào kênh mương, rãnh thoát nước, đường ống, đường cáp bằng thủ công, rộng <= 3m, sâu			m ³	9,4080

	<=1m, đất cấp III				
82	Đắp đất công trình bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,90		100m3		0,0941
83	GCLD kim thu sét chủ động Rp=51m, cấp III		Bộ		1,0
84	Trụ đỡ kim thu sét D42 dày 300mm thép mạ kẽm, cao 3m		Bộ		1,0
85	GCLD bộ ống nối ở đầu trụ		Bộ		1,0
86	GCLD bộ chân đế kim thu sét trên mái		Bộ		1,0
87	GCLD bu lông M10 liên kết		Bộ		1,0
88	Kéo rai cáp lùa chằng kim thu sét		m		24,0
89	Kẹp định vị cáp thoát sét M50 vào công trình,kèm vít		cái		15,0
90	GCLD tăng đỡ, cáp giằng kim thu sét		bộ		4,0
91	Gia công và đóng cọc chống sét		cọc		6,0
92	Kéo rai dây chống sét dưới mương đất, loại dây đồng 50mm2		m		53,0
93	Hộp kiểm tra, đo điện trở, thuốc hàn		tb		1,0

Yêu cầu về thông số kỹ thuật: (theo thiết kế đính kèm).

STT	Tên vật tư, thiết bị	Thông số kỹ thuật,	Xuất xứ
1	Thép hình các loại	Theo thiết kế	Hoà Phát/tương đương
2	Xà gỗ các loại		Hoà Phát/tương đương
3	Tôn múi chiều dài bất kỳ, dày 0.45mm		Hoà Phát/tương đương
4	Thép các loại		Hoà Phát/tương đương
5	Dây điện các loại		Cadivi/tương đương
6	Aptomat các loại		Ls/tương đương
7	Kim thu sét chủ động Rp=51m		Thổ nhĩ kỳ/tương đương
8	Cọc tiếp địa đồng phi 16 dài 2,4m		Án Độ/tương đương
9	Ống nhựa các loại		Đạt Hòa/tương đương
10	Dèn có chao chụp - Đèn sát trần (đèn Highbay HB01L 350/70W)		Philisp/tương đương

YÊU CẦU NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà Bên mời thầu quy định yêu cầu về nhân sự chủ chốt cho phù hợp

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn ⁽¹⁾
1	Chỉ huy trưởng	01	Tối thiểu là 05 năm	- Là Kỹ sư xây dựng hoặc Kỹ sư cơ khí, có chứng chỉ hành nghề tư vấn giám sát thi công lắp đặt thiết bị, đã trực tiếp tham gia thi công ít nhất 1 (một) công trình cấp III hoặc 2 công trình cấp IV tương tự với gói thầu tham dự với vai trò là chỉ huy trưởng (có bảng tóm tắt quá trình công tác). - Thuộc biên chế của nhà thầu (bản sao hợp đồng lao động; bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề, có tên trong Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng với vai trò là chỉ huy trưởng, chứng chỉ an toàn nhóm II)
2	Kỹ thuật thi công trực tiếp	02	Tối thiểu là 02 năm	- Có trình độ cao đẳng trở lên, chuyên ngành cơ khí. Có hợp đồng lao động, bằng tốt nghiệp, có bảng tóm tắt quá trình công tác.
3	Kỹ thuật phụ trách an toàn	01	Tối thiểu là 02 năm	- Có trình độ cao đẳng trở lên, chuyên ngành an toàn. Có hợp đồng lao động, bằng tốt nghiệp, có bảng tóm tắt quá trình công tác.
4	Đội ngũ công nhân kỹ thuật: + Tối thiểu 04 công nhân cơ khí. + Tối thiểu 02 công nhân điện. + Tối thiểu 01 công nhân xây dựng.		Tối thiểu là 02 năm	Có chứng chỉ nghề được đào tạo phù hợp, có thể an toàn lao động.

THIỆT BỊ THI CÔNG CHỦ YẾU DỰ KIẾN HUY ĐỘNG ĐỂ THỰC HIỆN GÓI THẦU

Nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động thiết bị thi công chủ yếu để thực hiện gói thầu theo yêu cầu sau đây:

ST T	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối thiểu cần có
1	Máy hàn điện 23kW	Cái	01
2	Tời kéo cáp điện chuyên dụng lực kéo ≥ 3 tấn	Cái	01
3	Xe cầu tự hành sức nâng từ 10 tấn trở lên	Xe	01
4	Giàn giáo	Bộ	20
5	Dây an toàn toàn thân	Bộ	10
6	Bình chữa cháy xe đẩy loại MFZT35	Bình	01
7	Bình chữa cháy cầm tay	Bình	02
8	Máy tìg	Cái	01

NĂNG LỰC VỀ TÀI CHÍNH ĐỂ THỰC HIỆN GÓI THẦU

STT	NỘI DUNG	ĐIỀU KIỆN	ĐÁNH GIÁ
I	Năng lực tài chính		
1	Có Giấy phép đăng ký kinh doanh (ĐKKD), ngành nghề phù hợp với gói thầu tham gia.	Đáp ứng	Đạt/ không đạt
2	Có báo cáo tài chính trong hai năm gần nhất 2024, 2025 trong đó: - Doanh thu bình quân đạt: 3.000.000.000 đồng/năm.	Đáp ứng	Đạt/ không đạt
II	Năng lực kinh nghiệm		
1	Nhà thầu đã có thời gian hoạt động liên tục trong lĩnh vực thi công điện dân dụng và công nghiệp tối thiểu 02 năm.	Đáp ứng	Đạt/ không đạt
2	Có ≥ 01 Hợp đồng thi công tương tự về kết cấu đã thực hiện với tư cách là nhà thầu chính trong năm những năm gần đây, có giá trị tương đương 50% giá trị gói thầu đang dự.	Đáp ứng	Đạt/ không đạt

BẢNG ĐỀ XUẤT NHẬN SỰ
(nhà thầu đề xuất)

STT	Tên	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Công việc hiện tại				Người xác nhận
					Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ/ Điện thoại/ Fax/ E-mail của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc	
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]								
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]								
...									
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]								

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN
(nhà thầu đề xuất)

Nhà thầu đề xuất tiến độ thực hiện phù hợp với yêu cầu của bên mời thầu và phù hợp với đề xuất kỹ thuật của nhà thầu

STT	Thời gian thực hiện hợp đồng theo yêu cầu của bên mời thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng do nhà thầu đề xuất
	60 ngày	

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU GÓI THẦU XÂY LẬP
(nhà thầu đề xuất)

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá dự thầu	Thành tiền (Cột 4 x 6)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Hạng mục 1:					A
1	...					
2	...					
II	Hạng mục 2:					B
1	...					
2	...					
II	Hạng mục 3:					
1						
2	...					
Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))						A+B+...

Ghi chú:

(6, 7) Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu của từng hạng mục, công việc cụ thể. Giá dự thầu là tổng giá trị của các hạng mục ghi trong cột “Mô tả công việc mời thầu”. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng. Nhà thầu phải tính toán các chi phí nêu trên và phân bổ vào trong giá dự thầu.

Yêu cầu về thông số kỹ thuật:

Số TT	Tên vật tư, thiết bị	Thông số	Xuất xứ
(1)	(2)	(3)	(4)

THIỆT BỊ THI CÔNG CHỦ YẾU DỰ KIẾN HUY ĐỘNG ĐỀ THỰC HIỆN GÓI THẦU
(Nhà thầu đề xuất)

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Tình trạng	Thuộc sở hữu NT/Thuê
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					

CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI THẦU XÂY LẮP
(áp dụng đối với gói thầu xây lắp)

Ngày:___ [Điền ngày, tháng, năm ký cam kết]

Tên gói thầu: _____[Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Tên dự án: _____[Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá, văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] và thiết kế bản vẽ thi công đính kèm do _____ [Ghi tên bên mời thầu] phát hành, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu] cam kết đã nghiên cứu kỹ các thông tin và có đầy đủ năng lực, kinh nghiệm, nhân sự, thiết bị để thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt cũng như tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành và bảo đảm thực hiện các yêu cầu khác theo đúng quy định của bản yêu cầu báo giá.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin nêu tại bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐƠN CHÀO HÀNG ⁽¹⁾

Ngày: ____ [theo thời gian trong TMT/TBMT]

Tên gói thầu: ____ [theo tên gói thầu trong TMT/TBMT]

Kính gửi: ____ [theo tên Bên mời thầu trong TMT/TBMT]

Sau khi nghiên cứu yêu cầu báo giá, chúng tôi:

- Tên nhà thầu: ____ [theo thông tin nhà thầu đã đăng ký];

- Số đăng ký kinh doanh: ____ [theo thông tin nhà thầu đã đăng ký];

cam kết thực hiện gói thầu ____ [tên gói thầu theo thông tin trong yêu cầu báo giá] với các thông tin chính như sau:

- Số TBMT: ____ [theo số TMT/TBMT];

- Thời điểm đóng thầu: ____ [theo thời điểm đóng thầu trong TMT/TBMT];

theo đúng yêu cầu nêu trong yêu cầu báo giá với tổng số tiền là ____ cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ____ [Ghi tỷ lệ giảm giá].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ____ .

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____.

Hiệu lực của báo giá: ngày, kể từ ngày.... tháng năm

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính hoặc đại diện liên danh trong trường hợp nhà thầu có liên danh.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự thầu là trung thực.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết thực hiện theo nội dung trong HSCH.

Ghi chú:

(1) Đơn chào hàng được ký và đóng dấu bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu.

Chương III. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

A. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

(Gói thầu xây lắp)¹

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ ².....;

- Căn cứ ².....;

- Căn cứ ².....;

- Căn cứ ____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư [Ghi tên chủ đầu tư]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

¹ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung dự thảo hợp đồng theo Mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Đối với gói thầu có giá trị lớn thì có thể vận dụng Điều kiện hợp đồng nêu tại Mẫu số 01, 02 của Thông tư này.

² Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành (nếu có).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)Tên nhà thầu *[Ghi tên nhà thầu trúng thầu]*: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ *(trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.*

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc thi công xây dựng, lắp đặt công trình theo đúng bản vẽ thiết kế thi công kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Bản chào giá của nhà thầu;
5. Bản yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết tiến hành công việc xây lắp theo đúng bản vẽ thiết kế thi công nêu trong yêu cầu báo giá, tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng trong và sau quá trình thi công đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ].*
2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán _____ [*Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thanh toán bằng tiền mặt, thư tín dụng, hoặc chuyển khoản...*].

b) Thời hạn thanh toán _____ [*Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn thanh toán ngay hoặc trong vòng một số ngày nhất định kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật*].

c) Số lần thanh toán ____ [*Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định số lần thanh toán, có thể theo giai đoạn, theo phần công việc đã hoàn thành hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành toàn bộ hợp đồng*].

Điều 6. Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: _____ [*Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với yêu cầu của yêu cầu báo giá và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên*].

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: _____ [*Ghi các trường hợp mà hợp đồng có thể được điều chỉnh cho phù hợp với tính chất của gói thầu*].

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 10. Tư vấn giám sát

Tư vấn giám sát có trách nhiệm thực hiện các công việc nêu trong hợp đồng.

Tư vấn giám sát có thể đưa ra chỉ dẫn cho nhà thầu về việc thi công xây dựng công trình và sửa chữa sai sót vào bất kỳ lúc nào. Nhà thầu phải tuân theo các chỉ dẫn của tư vấn giám sát.

Trường hợp chủ đầu tư thay đổi tư vấn giám sát, chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho nhà thầu.

Điều 11. Vật tư, máy móc, thiết bị

Nhà thầu phải đảm bảo tất cả vật tư, máy móc, thiết bị sử dụng cho công trình đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật và được kiểm định theo quy định của pháp luật.

Chủ đầu tư sẽ kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị tại nơi khai thác, nơi sản xuất hoặc tại công trường vào bất kỳ thời điểm nào.

Nhà thầu phải đảm bảo bố trí cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị nêu trên.

Điều 12. Bảo hành, sửa chữa, khắc phục sai sót

Nhà thầu bảo đảm thực hiện chế độ bảo hành đối với công trình như đã nêu trong báo giá.

Kể từ ngày hoàn thành cho đến khi kết thúc thời hạn bảo hành công trình, chủ đầu tư sẽ thông báo cho nhà thầu về các sai sót trong công trình. Thời hạn bảo hành công trình phải được gia hạn cho đến khi các sai sót được sửa chữa xong.

Mỗi lần có thông báo về sai sót trong công trình, nhà thầu phải tiến hành sửa chữa sai sót đó trong khoảng thời gian quy định mà chủ đầu tư đã thông báo.

Nếu nhà thầu không sửa chữa sai sót trong khoảng thời gian được chủ đầu tư quy định tại thông báo sai sót trong công trình thì chủ đầu tư được thuê tổ chức khác khắc phục sai sót, xác định chi phí khắc phục sai sót và nhà thầu sẽ phải hoàn trả khoản chi phí này.

Điều 13. Nghiệm thu, hoàn công

Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật xây dựng chuyên ngành hiện hành. Biên bản nghiệm thu phải được đại diện chủ đầu tư, tư vấn giám sát và nhà thầu ký xác nhận.

Điều 14. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: _____ [*Ghi cụ thể thời gian*] kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: _____ [*Ghi cơ chế xử lý tranh chấp*].

Điều 15. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ __[Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].
 2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.
- Hợp đồng được lập thành ____ bộ, chủ đầu tư giữ ____ bộ, nhà thầu giữ ____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
CHỦ ĐẦU TƯ**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC

BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu báo giá, báo giá và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Bảng giá tổng hợp].

MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

(nếu có)

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu*]

(sau đây gọi là chủ đầu tư/bên mời thầu)

Theo đề nghị của _____ [*Ghi tên nhà thầu*] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____ [*Ghi tên gói thầu*] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng thực hiện [*hàng hoá/xây lắp/dịch vụ phi tư vấn*] cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong bản yêu cầu báo giá (*hoặc hợp đồng*), nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư/bên mời thầu bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [*Ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại _____ [*Ghi địa chỉ của ngân hàng*]⁽³⁾ (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____ [*Ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng*]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư/bên mời thầu bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [*Ghi số tiền bảo lãnh*] như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư/bên mời thầu thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư/bên mời thầu xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [*Ghi tên nhà thầu*] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu _____ [*Ghi tên gói thầu*] đã ký hợp đồng số _____ [*Ghi số hợp đồng*] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG ⁽¹⁾

(nếu có)

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ *[ghi tên Chủ đầu tư]*

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, _____ *[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu]* (sau đây gọi là Nhà thầu) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm Nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng _____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ *[ghi tên của ngân hàng]* ở _____ *[ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ]* có trụ sở đăng ký tại _____ *[ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾]* (sau đây gọi là “ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu Nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá _____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan đến hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định của Hợp đồng sau khi Nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽³⁾ hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp.
- (2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.
- (3) Ngày quy định tại nội dung Hợp đồng.

TỜ TRÌNH

Về việc xin Phê duyệt Nội dung hồ sơ chào hàng (HSCH), Tiêu chí đánh giá HSCG, Danh sách Nhà thầu cho gói thầu: Thi công kho lưu trữ chất thải nguy hại.

Kính gửi: Phó Tổng Giám đốc

Căn cứ Nghị Quyết số 0720/NQ-PVSM ngày 31/7/2026 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Công nghiệp Cơ khí Dầu khí về việc phê duyệt bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư mua sắm máy móc thiết bị phục vụ SXKD năm 2026 của PVSM;

Căn cứ Quyết định số 0796/QĐ-PVSM ngày 14/08/2026 của Tổng Giám Đốc Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Công nghiệp Cơ khí Dầu khí về việc Phê duyệt điều chỉnh dự toán kinh phí và cơ cấu nguồn vốn cho công trình: Đầu tư xây dựng kho lưu trữ chất thải nguy hại;

Căn cứ Quyết định số 0849/QĐ-PVSM ngày 26/8/2026 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu và Công nghiệp Cơ khí Dầu khí Về việc phê duyệt Phạm vi công việc, Dự toán kinh phí, Danh sách tổ chuyên gia lập, thẩm định và đánh giá HSCH, Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu: Thi công kho lưu trữ chất thải nguy hại;

Căn cứ Báo cáo số 0592/BC-KHĐT ngày 26/8/2026 của tổ Tổ chuyên gia.

Căn cứ Báo cáo số 0595/BC-KHĐT ngày 27/8/2026 của tổ Tổ thẩm định.

Để triển khai các thủ tục tiếp theo của gói thầu, Phòng KHĐT kính trình Phó Tổng giám đốc xem xét phê duyệt Nội dung hồ sơ chào hàng (HSCH), Tiêu chí đánh giá HSCG, Danh sách Nhà thầu cho gói thầu: Thi công kho lưu trữ chất thải nguy hại, một số nội dung như sau:

1. Nội dung hồ sơ chào hàng (HSCH) bao gồm:

Mô tả tóm tắt

Từ ngữ viết tắt

Chương I. Yêu cầu nộp báo giá

Chương II. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương III. Dự thảo hợp đồng

(Hồ sơ chào hàng đính kèm)

2. Tiêu chí đánh giá HSCG gói thầu: Thi công kho lưu trữ chất thải nguy hại.

STT	NỘI DUNG	ĐIỀU KIỆN	ĐÁNH GIÁ
I	Mục 1. Tư cách hợp lệ của nhà thầu		
1	Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật	Đáp ứng	Đạt/Không đạt
2	Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu	Đáp ứng	Đạt/Không đạt
II	Mục 2. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá		
1	Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc	Đáp ứng	Đạt/Không

STT	NỘI DUNG	ĐIỀU KIỆN	ĐÁNH GIÁ
	theo yêu cầu của yêu cầu báo giá vào các Mẫu trong Chương II		đạt
2	Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn chào hàng (bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu.	Đáp ứng	Đạt/Không đạt
III	Mục 3. Thành phần báo giá		
1	Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:	Đáp ứng	Đạt/Không đạt
-	Đơn chào hàng	Đáp ứng	Đạt/Không đạt
-	Biểu giá theo Mẫu trong Chương II	Đáp ứng	Đạt/Không đạt
IV	Năng lực về tài chính		
1	Có Giấy phép đăng ký kinh doanh (ĐKKD), ngành nghề phù hợp với gói thầu tham gia	Đáp ứng	Đạt/ không đạt
2	Có báo cáo tài chính trong hai năm gần nhất 2024, 2025 trong đó: - Doanh thu bình quân đạt: 3.000.000.000 đồng/năm	Đáp ứng	Đạt/ không đạt
V	Năng lực về kinh nghiệm		
1	Nhà thầu đã có thời gian hoạt động liên tục trong lĩnh vực thi công cơ khí, phòng cháy chữa cháy, điện dân dụng và công nghiệp tối thiểu 02 năm	Đáp ứng	Không đáp ứng
2	Có ≥ 01 Hợp đồng thi công tương tự đã thực hiện với tư cách là nhà thầu chính trong năm những năm gần đây có giá trị tương đương với giá trị gói thầu.	Đáp ứng	Không đáp ứng
VI	Nhân sự chủ chốt, thiết bị và tiến độ thực hiện		
1	- Là Kỹ sư xây dựng hoặc Kỹ sư cơ khí, có chứng chỉ hành nghề tư vấn giám sát thi công lắp đặt thiết bị, đã trực tiếp tham gia thi công ít nhất 1 (một) công trình cấp III hoặc 2 công trình cấp IV tương tự với gói thầu tham dự với vai trò là chỉ huy trưởng (<i>có bảng tóm tắt quá trình công tác</i>). - Thuộc biên chế của nhà thầu (<i>bản sao hợp đồng lao động; bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề, có tên trong Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng với vai trò là chỉ huy trưởng, chứng chỉ an toàn nhóm II</i>).	Đáp ứng	Đạt/ không đạt
2	Kỹ thuật thi công trực tiếp: 02 người - Có trình độ cao đẳng trở lên, chuyên ngành cơ khí. Có hợp đồng lao động, bằng tốt nghiệp, có bảng tóm tắt quá trình công tác.	Đáp ứng	Đạt/ không đạt
3	Kỹ thuật phụ trách an toàn: 01 người - Có trình độ cao đẳng trở lên, chuyên ngành an toàn. Có hợp đồng lao động, bằng tốt nghiệp, có bảng tóm tắt quá trình công tác.	Đáp ứng	Đạt/ không đạt

STT	NỘI DUNG	ĐIỀU KIỆN	ĐÁNH GIÁ
4	Đội ngũ công nhân kỹ thuật: + Tối thiểu 04 công nhân cơ khí. + Tối thiểu 02 công nhân điện. + Tối thiểu 01 công nhân xây dựng.	Đáp ứng	Đạt/ không đạt
5	Yêu cầu về thiết bị: - Máy hàn điện 23kW: 01 cái - Tời kéo cáp điện chuyên dụng lực kéo ≥ 3 tấn: 01 cái - Xe cầu tự hành sức nâng từ 10 tấn trở lên: 01 xe - Giàn giáo: 20 bộ - Dây an toàn toàn thân: 10 bộ - Máy Máy tig: 01 Cái - Bình chữa cháy xe đẩy loại MFZT35: 01 Bình - Bình chữa cháy cầm tay: 02 Bình	Nhà thầu sở hữu (có hóa đơn) hoặc thuê (có hợp đồng thuê)	Đạt/ không đạt
VII	Tiêu chuẩn đánh giá về giá		
1	Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá	Đáp ứng	Đạt/ không đạt
2	Có giá chào không vượt giá gói thầu được duyệt	Đáp ứng	Đạt/ không đạt
VIII	Mục 8. Các yêu cầu khác		Đạt/ không đạt
1	Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật (kèm theo HSCH)	Đáp ứng	Đạt/ không đạt
	Kết luận		Đạt/ không đạt

3. Danh sách nhà thầu được mời tham gia chào hàng:

STT	Tên nhà thầu	Địa chỉ	Số điện thoại
01	Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hoàng Mai.	Tổ 31, Phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi.	0917.963.956
02	Công ty TNHH MTV Anh Khoa Quảng Ngãi.	17 Phạm Ngũ Lão, Phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi.	0905.372.075
03	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ kỹ thuật Hàng Hải PCS	Số 05, Phạm Đường, Phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi.	0935.538.715

Phòng Kế hoạch Đầu tư kính trình Phó Tổng Giám đốc xem xét phê duyệt để phòng có cơ sở triển khai các bước tiếp theo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TCKT, ATSKMT, TCNS (p/h thực hiện);
- Lưu: VT KHĐT, Tì.01.

TRƯỞNG PHÒNG



Lê Trọng Tuấn

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG
QUỐC GIA VIỆT NAM
**CÔNG TY TNHH MTV ĐÓNG TÀU
VÀ CÔNG NGHIỆP CƠ KHÍ DẦU KHÍ**
Số: /PVSM-KHĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v: Mời chào hàng gói thầu thi công kho lưu trữ
chất thải nguy hại.

Quảng Ngãi, ngày tháng 08 năm 2026

DỰ THẢO

Kính gửi: Công ty
Địa chỉ :.....

Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu và Công nghiệp Cơ khí Dầu khí (PVSM) hiện đang có nhu cầu lựa chọn Nhà thầu thực hiện gói thầu: Thi công kho lưu trữ chất thải nguy hại (tại Quyết định số 0849/QĐ-PVSM ngày 26/8/2026, giá trị gói thầu: 3.376.515.152 đồng). Bằng công văn này, PVSM mời Quý Công ty tham gia chào giá gói nêu trên theo các yêu cầu sau:

1. Phạm vi công việc: HSCH đính kèm.
2. Thời gian hoàn thành gói thầu: 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng.
2. Địa điểm thi công: Tại mặt bằng nhà máy của PVSM.
3. Yêu cầu năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật: HSCH đính kèm.
5. Đơn giá chào hàng: Là đơn giá tổng hợp đầy đủ bao gồm; chi phí trực tiếp về vật liệu, nhân công ca máy, các chi phí trực tiếp khác, chi phí chung, thuế, các chi phí khác được phân bổ trong đơn giá chào hàng như kho xưởng bên bãi, vận chuyển vật tư vật liệu, chi phí bảo vệ môi trường, cảnh quan do quá trình thi công gây ra.
6. Đơn chào hàng và Biểu giá chào hàng : HSCH đính kèm.
7. Hiệu lực chào hàng : 60 ngày kể từ ngày /09/2026
8. Thời hạn gửi hồ sơ chào hàng : Trước 09 giờ ngày /09/2026.
9. Hồ sơ chào giá phải được đóng thành tập và ký bởi đại diện có thẩm quyền, đóng dấu của Quý công ty và gửi đến chúng tôi (trực tiếp, phát nhanh, trang Web Công ty) theo địa chỉ sau:
 - Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu và Công nghiệp Cơ khí Dầu khí.
 - Địa chỉ: thôn Tân Hy, xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi.
 - Điện thoại: +84 255 3620 055; Fax: +84 255 3611464.
 - Địa chỉ email: tuanlt@dqsy.vn.

Mọi chi tiết cần làm rõ về nội dung mời chào hàng (nếu có), xin liên hệ phòng KHĐT; số đt: 02553.620055-501; email: tuanlt@dqsy.vn.

Mong nhận được sự quan tâm và hợp tác của Quý Công ty.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐTV (e- copy đề b/c);
- TGD (e- copy đề b/c);
- KSV (e- copy);
- Lưu VT; KHĐT, Ti.04.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Lê Bá Trường

Số: 0595/BC-KHĐT

Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO
THẨM ĐỊNH HỒ SƠ CHÀO HÀNG
Gói thầu: Thi công kho lưu trữ chất thải nguy hại

Kính gửi: Phó Tổng Giám đốc

Căn cứ Quyết định số 208/CNT-TCCB-LĐ ngày 20/02/2006 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam về việc thành lập Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất;

Căn cứ Quyết định số 2335/QĐ-DKVN ngày 28/03/2025 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt và ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu và Công nghiệp Cơ khí Dầu Khí;

Căn cứ Nghị Quyết số 5739/NQ-CNNL ngày 09/7/2026 của Tập Đoàn Công nghiệp Năng lượng Quốc gia Việt Nam về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch đầu tư năm 2026 của Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Công nghiệp Cơ khí Dầu khí (PVSM);

Căn cứ Nghị Quyết số 0720/NQ-PVSM ngày 31/7/2026 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Công nghiệp Cơ khí Dầu khí về việc phê duyệt bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư mua sắm máy móc thiết bị phục vụ SXKD năm 2026 của PVSM;

Căn cứ Quyết định số 0796/QĐ-PVSM ngày 14/08/2026 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Công nghiệp Cơ khí Dầu khí về việc Phê duyệt điều chỉnh dự toán kinh phí và cơ cấu nguồn vốn cho công trình: Đầu tư xây dựng kho lưu trữ chất thải nguy hại;

Căn cứ Quyết định số 0849/QĐ-PVSM ngày 26/8/2026 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu và Công nghiệp Cơ khí Dầu khí Về việc phê duyệt Phạm vi công việc, Dự toán kinh phí, Danh sách tổ chuyên gia lập, thẩm định và đánh giá HSCH, Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu: Thi công kho lưu trữ chất thải nguy hại;

Căn cứ Báo cáo số 0592/BC-KHĐT ngày 26/08/2026 của tổ chuyên gia lập HSCH.

Trên cơ sở yêu cầu của tổ chuyên gia về việc phê duyệt HSCH, dự thảo HSCH và các tài liệu liên quan được cung cấp, Tổ thẩm định đã tiến hành thẩm định HSCH gói thầu: Thi công kho lưu trữ chất thải nguy hại, từ ngày 27/08/2026 đến ngày 27 tháng 08 năm 2026

Kết quả thẩm định hồ sơ chào hàng gói thầu nêu trên được tổng hợp theo các nội dung sau:

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Khái quát về gói thầu:

- Tên gói thầu: thi công kho lưu trữ chất thải nguy hại.
- Giá gói thầu: 3.376.515.152 đồng (*Quyết định số 0849/QĐ-PVSM ngày 26/8/2026*).
- Hình thức thực hiện: Chào hàng cạnh tranh;
- Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói;
- Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu: Quý III/2026;

- Nguồn vốn: vốn sản xuất kinh doanh năm 2026;

Thời gian thực hiện: 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày bàn giao mặt bằng.

2. Tổ chức thẩm định:

Tổ thẩm định được thành lập bởi Quyết định số 0849/QĐ-PVSM ngày 26/8/2026 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu và Công nghiệp Cơ khí Dầu khí Về việc phê duyệt Phạm vi công việc, Dự toán kinh phí, Danh sách tổ chuyên gia lập, thẩm định và đánh giá HSCH, Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu: Thi công kho lưu trữ chất thải nguy hại.

Tổ thẩm định làm việc độc lập theo từng cá nhân, sau tập hợp các ý kiến của từng thành viên dựa trên ý kiến của đại đa số của thành viên tán thành, tuy nhiên ý kiến của thành viên khác với đa số vẫn được bảo lưu.

II. TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Căn cứ pháp lý:

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý:

Kết quả kiểm tra về căn cứ pháp lý của việc lập hồ sơ chào hàng được tổng hợp theo **Bảng số 01** dưới đây:

Bảng số 01

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra	
		Có	Không có
	[1]	[2]	[3]
1	Nghị Quyết số 5739/NQ-CNNL ngày 09/7/2026 của Tập Đoàn Công nghiệp Năng lượng Quốc gia Việt Nam về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch đầu tư năm 2026 của Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Công nghiệp Cơ khí Dầu khí (PVSM)	Có	
2	Nghị Quyết số 0720/NQ-PVSM ngày 31/7/2026 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Công nghiệp Cơ khí Dầu khí về việc phê duyệt bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư mua sắm máy móc thiết bị phục vụ SXKD năm 2026 của PVSM	Có	
3	Quyết định số 0796/QĐ-PVSM ngày 14/08/2026 của Tổng Giám Đốc Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Công nghiệp Cơ khí Dầu khí về việc Phê duyệt điều chỉnh dự toán kinh phí và cơ cấu nguồn vốn cho công trình: Đầu tư xây dựng kho lưu trữ chất thải nguy hại	Có	
4	Quyết định số 0849/QĐ-PVSM ngày 26/8/2026 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu và Công nghiệp Cơ khí Dầu khí Về việc phê duyệt Phạm vi công việc, Dự toán kinh phí, Danh sách tổ chuyên gia lập, thẩm định và đánh giá HSCH, Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu: Thi công kho lưu trữ chất thải nguy hại	Có	
5	Dự thảo hồ sơ chào hàng.	Có	

b) Ý kiến thẩm định về cơ sở pháp lý:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 01**, tổ chức thẩm định nhận xét việc lập hồ sơ chào hàng đủ cơ sở pháp lý để thực hiện các bước tiếp theo.

2. Nội dung của hồ sơ chào hàng:

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về nội dung hồ sơ chào hàng:

Kết quả thẩm định về nội dung hồ sơ chào hàng được tổng hợp tại **Bảng số 02A**

Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
	Tuân thủ, phù hợp	Không tuân thủ hoặc không phù hợp
[1]	[2]	[3]
Nội dung HSCH: Mô tả tóm tắt Từ ngữ viết tắt Chương I. Yêu cầu nộp hồ sơ chào giá Chương II. Biểu mẫu chào hàng và chào giá Chương III. Dự thảo hợp đồng	X	

b) Ý kiến thẩm định về nội dung hồ sơ chào hàng:

Căn cứ tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 02A**, tổ chức thẩm định nhận xét:

Hồ sơ chào hàng đầy đủ các nội dung, phù hợp với tính chất của gói thầu chuẩn bị thực hiện công tác chào hàng.

Có kế hoạch chào hàng được duyệt (*Quyết định số 0849/QĐ-PVSM ngày 26/8/2026 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu và Công nghiệp Cơ khí Dầu khí Về việc phê duyệt Phạm vi công việc, Dự toán kinh phí, Danh sách tổ chuyên gia lập, thẩm định và đánh giá HSCH, Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu: Thi công kho lưu trữ chất thải nguy hại*).

Nội dung hồ sơ chào hàng đưa ra không gây cản trở (hạn chế) nhà thầu tham gia chào giá. Những quy định tại tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ chào giá, tổ chức thẩm định nhận xét là phù hợp với tính chất của gói thầu (*Tính khoa học, logic của các tiêu chí đánh giá, tính khách quan, công bằng, minh bạch*).

3. Ý kiến khác biệt, bảo lưu của các cá nhân tham gia lập hồ sơ chào hàng (nếu có):

.....
.....

a) Tổng hợp các ý kiến khác biệt, bảo lưu của các cá nhân tham gia lập hồ sơ chào hàng (nếu có):

.....
.....

b) Nội dung thẩm định về các ý kiến khác biệt, bảo lưu của các cá nhân tham gia lập hồ sơ chào hàng (nếu có):

.....
.....

III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét về nội dung hồ sơ chào hàng:

Trên cơ sở các nhận xét về hồ sơ chào hàng theo từng nội dung nêu trên, tổ chức thẩm định nhận xét: Cơ cấu hồ sơ mời chào hàng đầy đủ nội dung phù hợp với tính chất của gói thầu.

Tổ thẩm định thống nhất và đồng ý thông qua nội dung của hồ sơ chào hàng nêu trên.

2. Kiến nghị:

Trên cơ sở yêu cầu của tổ chuyên gia về việc phê duyệt hồ sơ chào hàng, dự thảo hồ sơ chào hàng và nội dung tại báo cáo thẩm định này, Tổ thẩm định kiến nghị Phó Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt HSCH gói thầu: Thi công kho lưu trữ chất thải nguy hại.

Báo cáo thẩm định này được lập bởi: Tổ thẩm định, bao gồm những thành viên có tên dưới đây.

TỔ THẨM ĐỊNH

TỔ TRƯỞNG



Trần Quốc Vinh

TỔ VIÊN



Hồng Thị Thanh Nga

TỔ VIÊN



Nguyễn Đức Hải

TỔ VIÊN



Nguyễn Thị Thắng

PHỤ LỤC
DANH MỤC TÀI LIỆU ĐƯỢC CUNG CẤP
ĐỂ THỰC HIỆN VIỆC THẨM ĐỊNH HỒ SƠ CHÀO HÀNG

Nghị Quyết số 5739/NQ-CNNL ngày 09/7/2026 của Tập Đoàn Công nghiệp Năng lượng Quốc gia Việt Nam về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch đầu tư năm 2026 của Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Công nghiệp Cơ khí Dầu khí (PVSM);

Nghị Quyết số 0720/NQ-PVSM ngày 31/7/2026 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Công nghiệp Cơ khí Dầu khí về việc phê duyệt bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư mua sắm máy móc thiết bị phục vụ SXKD năm 2026 của PVSM;

Quyết định số 0849/QĐ-PVSM ngày 26/8/2026 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu và Công nghiệp Cơ khí Dầu khí Về việc phê duyệt Phạm vi công việc, Dự toán kinh phí, Danh sách tổ chuyên gia lập, thẩm định và đánh giá HSCH, Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu: Thi công kho lưu trữ chất thải nguy hại;

Báo cáo số 0592/BC-KHĐT ngày 26/08/2026 của tổ chuyên gia lập HSCH;

Dự thảo hồ sơ chào hàng.

Số: 0592/BC-KHĐT

Quảng Ngãi, ngày 26 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO LẬP HỒ SƠ CHÀO HÀNG
Tên gói thầu: Thi công kho lưu trữ chất thải nguy hại

Kính gửi: Phó Tổng Giám đốc

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Giới thiệu chung về gói thầu:

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Công nghiệp Cơ khí Dầu khí.
- Bên mời chào hàng: Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Công nghiệp Cơ khí Dầu khí.
- Tên gói thầu: Thi công kho lưu trữ chất thải nguy hại.

2. Tổ chuyên gia

a) Cơ sở pháp lý thành lập tổ chuyên gia:

Tổ chuyên gia được thành lập theo Quyết định số 0849/QĐ-PVSM ngày 26/8/2026 để thực hiện lập HSCH gói thầu: Thi công kho lưu trữ chất thải nguy hại.

b) Thành phần tổ chuyên gia:

*Số lượng, họ tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong tổ chuyên gia được nêu tại **Bảng số 01**.*

Bảng số 01

STT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị
1	Lê Trọng Tuấn	Tổ trưởng	TP. KHĐT
2	Phan Tấn Vũ	Tổ viên	CV. KHĐT
3	Nguyễn Đình Tiến	Tổ viên	CV. THĐT
4	Phạm Quang Lý	Tổ viên	CV. TCKT

c) Cách thức làm việc của tổ chuyên gia:

Tổ chuyên gia làm việc độc lập theo từng cá nhân, sau tập hợp các ý kiến của từng thành viên dựa trên ý kiến của đại đa số của thành viên tán thành, tuy nhiên ý kiến của thành viên khác với đa số vẫn được bảo lưu.

II. NỘI DUNG HSCH

1. Nội dung của HSCH

Mô tả tóm tắt

Từ ngữ viết tắt

Chương I. Yêu cầu nộp hồ sơ chào giá

Chương II. Biểu mẫu chào hàng và chào giá

Chương III. Dự thảo hợp đồng.

(Hồ sơ chào hàng đính kèm)

2. Ý kiến bảo lưu của thành viên tổ chuyên gia: Không

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở thống nhất nội dung hồ sơ chào hàng kiến nghị tổ thẩm định xem xét thông qua HSCH và kiến nghị Phó Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt hồ sơ chào hàng gói thầu: Thi công kho lưu trữ chất thải nguy hại.

Báo cáo này được lập bởi:

TỔ CHUYÊN GIA

TỔ TRƯỞNG



Lê Trọng Tuấn

TỔ VIÊN



Nguyễn Đình Tiến

TỔ VIÊN



Phạm Quang Lý

TỔ VIÊN



Phan Tấn Vũ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

HỒ SƠ CHÀO HÀNG

Tên gói thầu: Thi công kho lưu trữ chất thải nguy hại

Bên mời chào hàng: Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu và Công nghiệp
Cơ khí Dầu Khí.

Năm 2026

HỒ SƠ CHÀO HÀNG

Tên gói thầu: Thi công kho lưu trữ chất thải nguy hại.

Phát hành ngày: Ngày tháng 8 năm 2026

**Ban hành kèm theo
Quyết định số:**

{{DNO}}, ngày {{DD}} tháng {{DM}} năm {{DY}}

Quảng Ngãi, ngày {{DD}} tháng {{DM}} năm {{DY}}

**CÔNG TY TNHH MTV ĐÓNG TÀU
VÀ CÔNG NGHIỆP CƠ KHÍ DẦU KHÍ
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

{{KS_CTY}} {{KS_C_PTGD}}

Lê Bá Trường

TỔ CHUYÊN GIA

TỔ TRƯỞNG	TỔ VIÊN	TỔ VIÊN	TỔ VIÊN
{{KT_C_CV}}	{{KT_C_CV_1}}	{{KT_C_CV_2}}	{{KT_C_CV_3}}
Lê Trọng Tuấn	Nguyễn Đình Tiến	Phạm Quang Lý	Phan Tấn Vũ

MỤC LỤC

- **Mô tả tóm tắt**
- **Từ ngữ viết tắt**
- **Chương I. Yêu cầu nộp hồ sơ chào giá**
- **Chương II. Biểu mẫu chào hàng và chào giá**
- **Chương III. Dự thảo hợp đồng**

MÔ TẢ TÓM TẮT

Chương I. Yêu cầu nộp báo giá

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị báo giá. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, dịch vụ phi tư vấn áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh.

Chương II. Biểu mẫu Biểu mẫu chào hàng và chào giá

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Bên mời thầu và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của yêu cầu báo giá và báo giá.

Chương III. Dự thảo hợp đồng

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

Chương này được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word do Bên mời thầu chuẩn bị theo mẫu.

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

TMT/TBMT	Thư mời thầu/Thông báo mời thầu
VND	đồng Việt Nam
Hồ sơ chào hàng	là thư do PVSM ban hành gửi cho NCC/NT
Hồ sơ chào giá	là hồ sơ chào giá do NCC/NT gửi đến PVSM
Biểu mẫu	Gồm các biểu mẫu mà Bên mời thầu và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của yêu cầu báo giá và báo giá
PDF	Định dạng tài liệu được cố định theo tiêu chuẩn của hãng Adobe Systems để tài liệu được hiển thị như nhau trên mọi môi trường làm việc
Excel	Định dạng tài liệu theo dạng bảng biểu của hãng Microsoft dùng trong việc tính toán, nhập dữ liệu
Word	Định dạng tài liệu theo dạng văn bản của hãng Microsoft dùng trong việc trình bày, nhập dữ liệu

Chương I. YÊU CẦU NỘI HỒ SƠ CHÀO GIÁ

Mục 1. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Hạch toán tài chính độc lập;
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
4. Là doanh nghiệp cấp nhỏ hoặc siêu nhỏ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp trong trường hợp nhà thầu tham dự.

Mục 2. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc theo yêu cầu của yêu cầu báo giá vào các Mẫu trong Chương II.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với giá đã chào.

2. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn chào hàng (bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong yêu cầu báo giá, giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giá trị giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu.

Mục 3. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng;
2. Biểu giá theo Mẫu trong Chương II (tùy theo loại gói thầu);

Mục 4. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào thấp nhất và không vượt giá gói thầu được duyệt.

Mục 5. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng.

Mục 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm

thực hiện hợp đồng theo Điều 9 Chương III.

Mục 7. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

Mục 8. Các yêu cầu khác

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

TCDG về mặt kỹ thuật sử dụng tiêu chí "đạt", "không đạt". HSCG Nhà thầu được đánh giá là đạt về mặt kỹ thuật khi tất cả các nội dung đánh giá nêu ở các tiêu chí chi tiết từ 1 đến 6 được xác định là "đạt" hoặc "chấp nhận được". Chi tiết cụ thể theo bảng sau:

1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Đối với các vật tư, vật liệu xây dựng công trình	Có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc	Đạt
	Không có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc	Không đạt
Kết luận	Tiêu chí chi tiết được xác định là đạt	Đạt
	Tiêu chí chi tiết được xác định là không đạt	Không đạt

2. Giải pháp kỹ thuật:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Tổ chức mặt bằng công trường	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng	Đạt
	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng nhưng thiếu giải pháp kỹ thuật về lán trại	Chấp nhận được
	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chí chi tiết được xác định là đạt hoặc chấp nhận được.	Đạt
	Không thuộc các trường hợp nêu trên	Không đạt

3. Biện pháp tổ chức thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Mô tả biện pháp thi công các công việc của từng hạng mục theo đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật.	Có đề xuất về biện pháp, công nghệ thi công theo đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật	Đạt
	Đề xuất không đầy đủ về biện pháp, công nghệ thi công theo đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật	Không đạt
Kết luận	Tiêu chí chi tiết được xác định là đạt	Đạt
	Tiêu chí chi tiết được xác định là không đạt	Không đạt

4. Tiến độ thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
------------------	----------------

4.1. Thời gian thi công: đảm bảo thời gian thi công không quá 60 ngày có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 60 ngày (kể từ ngày bàn giao mặt bằng thi công)	Đạt
	Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 60 ngày	Không đạt
4.2. Tính phù hợp: a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a) và b)	Đạt
	Đề xuất không đủ 2 nội dung a) và b)	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chí chi tiết đều được xác định là đạt	Đạt
	Có 1 tiêu chí chi tiết được xác định là không đạt	Không đạt

5. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
5.1. An toàn lao động		
Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. Không có bố trí cán bộ kỹ thuật chuyên trách, bán chuyên trách có chứng chỉ huấn luyện về công tác an toàn lao động	Không đạt
5.2. Phòng cháy, chữa cháy		
Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
5.3. Vệ sinh môi trường		
Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
Kết luận	Cả 3 tiêu chí chi tiết đều được xác định là đạt	Đạt
	Có 1 tiêu chí chi tiết được xác định là không đạt	Không đạt

6. Bảo hành của nhà thầu:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
Bảo hành	

Thời gian bảo hành 12 tháng (kể từ ngày nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng)	Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng	Đạt
	Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng	Không đạt
Kết luận	Tiêu chí chi tiết được xác định là đạt	Đạt
	Tiêu chí chi tiết được xác định là không đạt	Không đạt

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi các tiêu chí 1, 2, 3, 4, 5 và 6 được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chí 1, 2, 3, 4, 5 và 6 thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Chương II. BIỂU MẪU CHÀO HÀNG VÀ CHÀO GIÁ

Stt	Biểu mẫu	Cách thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Bên mời thầu	Nhà thầu
I	Biểu mẫu cho gói thầu mua sắm hàng hóa	Gửi kèm HSCH		
1	Mẫu số 01A. Phạm vi cung cấp và tiến độ thực hiện		X	
2	Mẫu số 01B. Các dịch vụ liên quan		X	
3	Mẫu số 02. Bảng đề xuất tiến độ			X
4	Mẫu số 03. Bảng giá dự thầu của hàng hóa			X
5	Mẫu số 04. Bảng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan			X
II	Biểu mẫu cho gói thầu xây lắp			
1	Mẫu số 01. Bảng khối lượng mời thầu và tiến độ thực hiện		X	
2	Mẫu số 02. Yêu cầu nhân sự chủ chốt		X	
3	Mẫu số 03. Bảng đề xuất nhân sự			X
4	Mẫu số 04. Bảng tiến độ thực hiện			X
5	Mẫu số 05. Bảng tổng hợp giá dự thầu			X
6	Mẫu số 06. Cam kết thực hiện gói thầu xây lắp			X
III	Đơn chào hàng (chung cho 3 loại gói thầu xây lắp, hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn)	Gửi kèm HSCH		
1	Đơn chào hàng			X

BẢNG KHỐI LƯỢNG MỜI THẦU VÀ TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN
(gói thầu xây lắp)

Bên mời thầu liệt kê danh mục các hạng mục xây lắp liên quan để thực hiện gói thầu theo bảng sau:

Tiến độ thực hiện gói thầu	60 ngày
-----------------------------------	----------------

STT	Tên công tác	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Đơn vị	Khối lượng
I	PHẦN XÂY DỰNG			
1	Phát quang, dọn mặt bằng bằng thủ công kết hợp cơ giới		m2	1.024,0
	32*32 = 1024			
2	Đào móng công trình, chiều rộng móng <= 6m, bằng máy đào 1,25m3, đất cấp III		100m3	3,0069
3	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 4x6, mác 150		m3	13,8720
4	Ván khuôn thép. Ván khuôn móng cột		100m2	1,3986
5	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép móng, đường kính cốt thép <= 10mm		tấn	0,1710
	(171)/1000 = 0,171			
6	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép móng, đường kính cốt thép <= 18mm		tấn	1,920
	(290+1034+222+374)/1000 = 1,92			
7	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 1x2, mác 250		m3	41,7710
8	Đắp đất công trình bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,90		100m3	2,4505
9	Xây móng bằng đá chẻ 15x20x25, vữa XM mác 75		m3	7,20
10	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép xà dầm, giằng, đường kính cốt thép <= 10mm, chiều cao <= 6m		tấn	0,2380
11	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép xà dầm, giằng, đường kính cốt thép <=		tấn	1,140

	18mm, chiều cao $\leq 6m$				
12	Ván khuôn thép, khung xương thép, cột chống bằng thép ống. Ván khuôn xà, dầm, giằng, chiều cao $\leq 28m$		100m ²		1,050
13	Đổ bê tông thi công bằng máy trộn, bê tông xà dầm, giằng nhà, chiều cao $\leq 6m$, đá 1x2, mác 250		m ³		10,50
14	Đắp cát công trình bằng máy lu bánh thép 9T, độ chặt yêu cầu $K=0,90$		100m ³		2,7599
15	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép nền đường kính cốt thép $\leq 10mm$		tấn		1,9710
16	Đổ bê tông thi công bằng máy trộn, bê tông nền, đá 1x2, mác 250		m ³		201,9952
17	Cắt jion nền ô 5mx5m		m ²		876,160
18	Xoa nền		m ²		876,160
19	Sơn vạch phân ô bằng sơn Epoxy		m		210,0
20	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép cột, trụ, đường kính cốt thép $\leq 10mm$, chiều cao $\leq 6m$		tấn		0,0330
21	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép cột, trụ, đường kính cốt thép $\leq 18mm$, chiều cao $\leq 6m$		tấn		0,3130
22	Ván khuôn thép, khung xương thép, cột chống bằng thép ống. Ván khuôn cột vuông, chữ nhật, chiều cao $\leq 28m$		100m ²		0,2880
23	Đổ bê tông thi công bằng máy trộn, bê tông cột, tiết diện cột $\leq 0,1m^2$, chiều cao $\leq 6m$, đá 1x2, mác 250		m ³		1,440
24	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép xà dầm, giằng, đường kính cốt thép $\leq 10mm$, chiều cao $\leq 6m$		tấn		0,0850
25	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép xà dầm, giằng, đường kính cốt thép $\leq 18mm$, chiều cao $\leq 6m$		tấn		0,290
26	Ván khuôn thép, khung xương thép, cột chống bằng thép ống. Ván khuôn xà, dầm, giằng, chiều cao $\leq 28m$		100m ²		0,2148
27	Đổ bê tông thi công bằng máy trộn, bê tông xà dầm, giằng nhà, chiều cao $\leq 6m$, đá 1x2, mác 250		m ³		2,1480
28	Gia công vì kèo thép hình khẩu độ lớn, khẩu độ 18-24 m		tấn		18,0499
29	Lắp dựng vì kèo thép khẩu độ $> 18 m$		tấn		18,0499
30	Sản xuất và lắp đặt ti giằng D14		cái		182,0
31	Sản xuất và lắp đặt cáp giằng D16 bao gồm tăng đơ		md		266,0
32	Sản xuất và lắp đặt Bu lông neo D28 dài 650		cái		88,0
33	Sản xuất và lắp đặt Bu lông D22		cái		544,0

34	Gia công xà gỗ thép			tấn	10,0802
35	Lắp dựng xà gỗ thép			tấn	10,0802
36	Sơn sắt thép bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ			m2	1.371,4955
37	Lợp mái che tường bằng tôn múi chiều dài bất kỳ tôn dày 0.45mm			100m2	9,7246
38	Lắp đặt cùm chống bão			cái	8.100,0
39	SXLD máng tole dày 0.5 ly			md	60,80
40	Lợp mái che tường bằng tôn múi chiều dài bất kỳ 0.4mm			100m2	5,7844
41	Xây tường bằng gạch bê tông rỗng 6 lỗ (7,5x11x17), chiều dày >11 cm, cao <=4 m, vữa XM mác 75			m3	38,4370
42	Trát tường xây gạch không nung bằng vữa thông thường, trát tường ngoài, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75			m2	219,640
43	Trát tường xây gạch không nung bằng vữa thông thường, trát tường trong, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75			m2	219,640
44	Trát trụ, cột, lam đứng, cầu thang, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75			m2	14,40
45	Trát xà dầm, vữa XM mác 75			m2	21,480
46	Quét vôi 3 nước trắng			m2	474,680
47	Sơn dầm, trần, cột, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ			m2	237,340
48	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ			m2	237,340
49	SXLD cửa sắt kéo đẩy bao gồm phụ kiện ray trượt, hệ đỡ cửa... hoàn thiện			m2	48,0
50	SXLD cửa sắt sô lá sách khung nhôm			m2	26,40
51	Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát nối bằng phương pháp dán keo đoạn ống dài 6m, đường kính ống 110mm			100m	0,720
52	Lắp đặt côn, cút nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đường kính côn, cút 110mm			cái	24,0
53	SXLD cùm ống			cái	48,0
54	SXLD cầu chấn rác Inox 304 d110			cái	12,0
55	Lắp dựng dàn giáo ngoài, chiều cao <= 16 m			100m2	7,20
56	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo trong, chiều cao chuẩn 3,6m			100m2	9,0
II PHẦN ĐIỆN					
57	Lắp đặt các aptomat loại 1 pha, cường độ dòng điện <= 50Ampere			cái	1,0
58	Lắp đặt các aptomat loại 1 pha, cường độ dòng điện <= 50Ampere			cái	2,0

59	Lắp đặt các loại đèn có chao chụp - Đèn sát trần (đèn Highbay HB01L 350/70W)			bộ	8,0
60	Lắp đặt hộp nói, hộp phân dây, hộp công tắc, hộp cầu chì, hộp automat, diện tích hộp <= 40cm ²			hộp	8,0
61	Lắp đặt công tắc - 1 hạt trên 1 công tắc			cái	8,0
62	Lắp đặt ổ cắm ba			cái	8,0
63	Lắp đặt dây đơn <= 2,5mm ²			m	180,0
64	Lắp đặt dây đơn <= 4mm ²			m	60,0
65	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột <= 10mm ²			m	80,0
66	Lắp đặt ống nhựa đặt chìm bảo hộ dây dẫn, đường kính <= 27mm			m	200,0
67	Lắp đặt hộp nói, hộp phân dây, hộp công tắc, hộp cầu chì, hộp automat, diện tích hộp <= 225cm ²			hộp	1,0
68	Gia công và đóng cọc chống sét			cọc	1,0
69	Kéo rai dây chống sét theo tường, cột và mái nhà - Loại dây đồng 50mm ²			m	5,0
III	THOÁT NƯỚC				
70	Đào san đất bằng máy đào 0,4 m ³ , đất cấp III			100m ³	0,2647
71	Đổ bê tông thi công bằng máy trộn, bê tông móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 1x2, mác 150			m ³	0,7480
72	Đổ bê tông thi công bằng máy trộn, bê tông nền đáy, chiều rộng <= 250 cm, đá 1x2, mác 250			m ³	4,140
73	Đổ bê tông thi công bằng máy trộn, bê tông tường chiều dày <= 45cm, chiều cao <= 6m, đá 1x2, mác 250			m ³	6,6240
74	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn tường thẳng, chiều dày <= 45 cm			100m ²	1,2984
75	Trát tường ngoài, chiều dày trát 2cm, vữa XM mác 75			m ²	129,840
76	Đổ bê tông đúc sẵn bằng thủ công - sản xuất bằng máy trộn. Bê tông tấm đan, mái hắt, lanh tô, đá 1x2, mác 200			m ³	0,60
77	Gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn. Ván khuôn gỗ, ván khuôn nắp đan, tấm chóp			100m ²	0,060
78	Gia công, lắp đặt cốt thép bê tông đúc sẵn. Cốt thép tấm đan, hàng rào, cửa sổ, lá chóp, nan hoa, con sơn			tấn	0,0591
79	Lắp đặt song chắn rác bằng Composite 400x1000 trọng tải >= 15 tấn			tb	54,0
80	Lắp dựng cấu kiện bê tông đúc sẵn. Lắp tấm đan			cái	8,0
IV	CHỐNG SÉT				
81	Đào kênh mương, rãnh thoát nước, đường ống, đường cáp bằng thủ công, rộng <= 3m, sâu			m ³	9,4080

	<=1m, đất cấp III				
82	Đắp đất công trình bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,90		100m3		0,0941
83	GCLD kim thu sét chủ động Rp=51m, cấp III		Bộ		1,0
84	Trụ đỡ kim thu sét D42 dày 300mm thép mạ kẽm, cao 3m		Bộ		1,0
85	GCLD bộ ống nối ở đầu trụ		Bộ		1,0
86	GCLD bộ chân đế kim thu sét trên mái		Bộ		1,0
87	GCLD bu lông M10 liên kết		Bộ		1,0
88	Kéo rai cáp lùa chằng kim thu sét		m		24,0
89	Kẹp định vị cáp thoát sét M50 vào công trình,kèm vít		cái		15,0
90	GCLD tăng đỡ, cáp giằng kim thu sét		bộ		4,0
91	Gia công và đóng cọc chống sét		cọc		6,0
92	Kéo rai dây chống sét dưới mương đất, loại dây đồng 50mm2		m		53,0
93	Hộp kiểm tra, đo điện trở, thuốc hàn		tb		1,0

Yêu cầu về thông số kỹ thuật: (theo thiết kế đính kèm).

STT	Tên vật tư, thiết bị	Thông số kỹ thuật,	Xuất xứ
1	Thép hình các loại	Theo thiết kế	Hoà Phát/tương đương
2	Xà gỗ các loại		Hoà Phát/tương đương
3	Tôn mũ chiều dài bất kỳ, dày 0.45mm		Hoà Phát/tương đương
4	Thép các loại		Hoà Phát/tương đương
5	Dây điện các loại		Cadivi/tương đương
6	Aptomat các loại		Ls/tương đương
7	Kim thu sét chủ động Rp=51m		Thỏ nhĩ kỳ/tương đương
8	Cọc tiếp địa đồng phi 16 dài 2,4m		Án Độ/tương đương
9	Ống nhựa các loại		Đạt Hòa/tương đương
10	Dèn có chao chụp - Đèn sát trần (đèn Highbay HB01L 350/70W)		Philisp/tương đương

YÊU CẦU NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà Bên mời thầu quy định yêu cầu về nhân sự chủ chốt cho phù hợp

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn ⁽¹⁾
1	Chỉ huy trưởng	01	Tối thiểu là 05 năm	- Là Kỹ sư xây dựng hoặc Kỹ sư cơ khí, có chứng chỉ hành nghề tư vấn giám sát thi công lắp đặt thiết bị, đã trực tiếp tham gia thi công ít nhất 1 (một) công trình cấp III hoặc 2 công trình cấp IV tương tự với gói thầu tham dự với vai trò là chỉ huy trưởng <i>(có bảng tóm tắt quá trình công tác)</i>. - Thuộc biên chế của nhà thầu <i>(bản sao hợp đồng lao động; bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề, có tên trong Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng với vai trò là chỉ huy trưởng, chứng chỉ an toàn nhóm II)</i>
2	Kỹ thuật thi công trực tiếp	02	Tối thiểu là 02 năm	- Có trình độ cao đẳng trở lên, chuyên ngành cơ khí. Có hợp đồng lao động, bằng tốt nghiệp, có bằng tóm tắt quá trình công tác.
3	Kỹ thuật phụ trách an toàn	01	Tối thiểu là 02 năm	- Có trình độ cao đẳng trở lên, chuyên ngành an toàn. Có hợp đồng lao động, bằng tốt nghiệp, có bằng tóm tắt quá trình công tác.
4	Đội ngũ công nhân kỹ thuật: + Tối thiểu 04 công nhân cơ khí. + Tối thiểu 02 công nhân điện. + Tối thiểu 01 công nhân xây dựng.		Tối thiểu là 02 năm	Có chứng chỉ nghề được đào tạo phù hợp, có thể an toàn lao động.

THIỆT BỊ THI CÔNG CHỦ YẾU DỰ KIẾN HUY ĐỘNG ĐỂ THỰC HIỆN GÓI THẦU

Nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động thiết bị thi công chủ yếu để thực hiện gói thầu theo yêu cầu sau đây:

ST T	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng tối thiểu cần có
1	Máy hàn điện 23kW	Cái	01
2	Tời kéo cáp điện chuyên dụng lực kéo ≥ 3 tấn	Cái	01
3	Xe cẩu tự hành sức nâng từ 10 tấn trở lên	Xe	01
4	Giàn giáo	Bộ	20
5	Dây an toàn toàn thân	Bộ	10
6	Bình chữa cháy xe đẩy loại MFZT35	Bình	01
7	Bình chữa cháy cầm tay	Bình	02
8	Máy tig	Cái	01

NĂNG LỰC VỀ TÀI CHÍNH ĐỂ THỰC HIỆN GÓI THẦU

STT	NỘI DUNG	ĐIỀU KIỆN	ĐÁNH GIÁ
I	Năng lực tài chính		
1	Có Giấy phép đăng ký kinh doanh (ĐKKD), ngành nghề phù hợp với gói thầu tham gia.	Đáp ứng	Đạt/ không đạt
2	Có báo cáo tài chính trong hai năm gần nhất 2024, 2025 trong đó: - Doanh thu bình quân đạt: 3.000.000.000 đồng/năm.	Đáp ứng	Đạt/ không đạt
II	Năng lực kinh nghiệm		
1	Nhà thầu đã có thời gian hoạt động liên tục trong lĩnh vực thi công điện dân dụng và công nghiệp tối thiểu 02 năm.	Đáp ứng	Đạt/ không đạt
2	Có ≥ 01 Hợp đồng thi công tương tự về kết cấu đã thực hiện với tư cách là nhà thầu chính trong năm những năm gần đây, có giá trị tương đương 50% giá trị gói thầu đang dự.	Đáp ứng	Đạt/ không đạt

BẢNG ĐỀ XUẤT NHẬN SỰ
(nhà thầu đề xuất)

STT	Tên	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Công việc hiện tại				Số năm làm việc	Người xác nhận
					Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ/ Điện thoại/ Fax/ E-mail của người sử dụng lao động	Chức danh			
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]									
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]									
...										
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]									

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

(nhà thầu đề xuất)

Nhà thầu đề xuất tiến độ thực hiện phù hợp với yêu cầu của bên mời thầu và phù hợp với đề xuất kỹ thuật của nhà thầu

STT	Thời gian thực hiện hợp đồng theo yêu cầu của bên mời thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng do nhà thầu đề xuất
	60 ngày	

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU GÓI THẦU XÂY LẬP
(nhà thầu đề xuất)

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá dự thầu	Thành tiền (Cột 4 x 6)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Hạng mục 1:					A
1	...					
2	...					
II	Hạng mục 2:					B
1	...					
2	...					
II	Hạng mục 3:					
1						
2	...					
Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))						A+B+...

Ghi chú:

(6, 7) Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu của từng hạng mục, công việc cụ thể. Giá dự thầu là tổng giá trị của các hạng mục ghi trong cột “Mô tả công việc mời thầu”. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng. Nhà thầu phải tính toán các chi phí nêu trên và phân bổ vào trong giá dự thầu.

Yêu cầu về thông số kỹ thuật:

Số TT	Tên vật tư, thiết bị	Thông số	Xuất xứ
(1)	(2)	(3)	(4)

THIỆT BỊ THI CÔNG CHỦ YẾU DỰ KIẾN HUY ĐỘNG ĐỂ THỰC HIỆN GÓI THẦU
(Nhà thầu đề xuất)

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Tình trạng	Thuộc sở hữu NT/Thuê
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					

CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI THẦU XÂY LẮP
(áp dụng đối với gói thầu xây lắp)

Ngày:___ [Điền ngày, tháng, năm ký cam kết]

Tên gói thầu: _____[Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Tên dự án: _____[Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá, văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số ____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] và thiết kế bản vẽ thi công đính kèm do _____[Ghi tên bên mời thầu] phát hành, chúng tôi, ____ [Ghi tên nhà thầu] cam kết đã nghiên cứu kỹ các thông tin và có đầy đủ năng lực, kinh nghiệm, nhân sự, thiết bị để thực hiện gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt cũng như tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành và bảo đảm thực hiện các yêu cầu khác theo đúng quy định của bản yêu cầu báo giá.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin nêu tại bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐƠN CHÀO HÀNG ⁽¹⁾

Ngày: ___[theo thời gian trong TMT/TBMT]

Tên gói thầu: ___[theo tên gói thầu trong TMT/TBMT]

Kính gửi: ___[theo tên Bên mời thầu trong TMT/TBMT]

Sau khi nghiên cứu yêu cầu báo giá, chúng tôi:

- Tên nhà thầu: ___[theo thông tin nhà thầu đã đăng ký];

- Số đăng ký kinh doanh: ___[theo thông tin nhà thầu đã đăng ký];

cam kết thực hiện gói thầu ___[tên gói thầu theo thông tin trong yêu cầu báo giá] với các thông tin chính như sau:

- Số TBMT: ___[theo số TMT/TBMT];

- Thời điểm đóng thầu: ___[theo thời điểm đóng thầu trong TMT/TBMT];

theo đúng yêu cầu nêu trong yêu cầu báo giá với tổng số tiền là ___ cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ___[Ghi tỷ lệ giảm giá].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ____.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____.

Hiệu lực của báo giá: ngày, kể từ ngày.... tháng năm

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính hoặc đại diện liên danh trong trường hợp nhà thầu có liên danh.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự thầu là trung thực.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết thực hiện theo nội dung trong HSCH.

Ghi chú:

(1) Đơn chào hàng được ký và đóng dấu bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu.

Chương III. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG**A. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG
(Gói thầu xây lắp)¹**

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ².....;- Căn cứ².....;- Căn cứ².....;

- Căn cứ ____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư [Ghi tên chủ đầu tư]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

¹ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung dự thảo hợp đồng theo Mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Đối với gói thầu có giá trị lớn thì có thể vận dụng Điều kiện hợp đồng nêu tại Mẫu số 01, 02 của Thông tư này.² Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành (nếu có).

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc thi công xây dựng, lắp đặt công trình theo đúng bản vẽ thiết kế thi công kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Bản chào giá của nhà thầu;
5. Bản yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết tiến hành công việc xây lắp theo đúng bản vẽ thiết kế thi công nêu trong yêu cầu báo giá, tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng trong và sau quá trình thi công đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ].
2. Phương thức thanh toán:
 - a) Hình thức thanh toán _____ [Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thanh toán bằng tiền mặt, thư tín dụng, hoặc chuyển khoản...].
 - b) Thời hạn thanh toán _____ [Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn thanh toán ngay hoặc trong vòng một số ngày nhất định kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật].
 - c) Số lần thanh toán _____ [Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định số lần thanh toán, có thể theo giai đoạn, theo phần công việc đã hoàn thành hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành toàn bộ hợp đồng].

Điều 6. Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: _____ [Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với yêu cầu của yêu cầu báo giá và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: _____ [Ghi các trường hợp mà hợp đồng có thể được điều chỉnh cho phù hợp với tính chất của gói thầu].
2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng, Bên A và

Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

- a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;
- b) Bên B bị phá sản, giải thể;
- c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 10. Tư vấn giám sát

Tư vấn giám sát có trách nhiệm thực hiện các công việc nêu trong hợp đồng.

Tư vấn giám sát có thể đưa ra chỉ dẫn cho nhà thầu về việc thi công xây dựng công trình và sửa chữa sai sót vào bất kỳ lúc nào. Nhà thầu phải tuân theo các chỉ dẫn của tư vấn giám sát.

Trường hợp chủ đầu tư thay đổi tư vấn giám sát, chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho nhà thầu.

Điều 11. Vật tư, máy móc, thiết bị

Nhà thầu phải đảm bảo tất cả vật tư, máy móc, thiết bị sử dụng cho công trình đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật và được kiểm định theo quy định của pháp luật.

Chủ đầu tư sẽ kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị tại nơi khai thác, nơi sản xuất hoặc tại công trường vào bất kỳ thời điểm nào.

Nhà thầu phải đảm bảo bố trí cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị nêu trên.

Điều 12. Bảo hành, sửa chữa, khắc phục sai sót

Nhà thầu bảo đảm thực hiện chế độ bảo hành đối với công trình như đã nêu trong báo giá.

Kể từ ngày hoàn thành cho đến khi kết thúc thời hạn bảo hành công trình, chủ đầu tư sẽ thông báo cho nhà thầu về các sai sót trong công trình. Thời hạn bảo hành công trình phải được gia hạn cho đến khi các sai sót được sửa chữa xong.

Mỗi lần có thông báo về sai sót trong công trình, nhà thầu phải tiến hành sửa chữa sai sót đó trong khoảng thời gian quy định mà chủ đầu tư đã thông báo.

Nếu nhà thầu không sửa chữa sai sót trong khoảng thời gian được chủ đầu tư quy định tại thông báo sai sót trong công trình thì chủ đầu tư được thuê tổ chức khác khắc phục sai sót, xác định chi phí khắc phục sai sót và nhà thầu sẽ phải hoàn trả khoản chi phí này.

Điều 13. Nghiệm thu, hoàn công

Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật xây dựng chuyên ngành hiện hành. Biên bản nghiệm thu phải được đại diện chủ đầu tư, tư vấn giám sát và nhà thầu ký xác nhận.

Điều 14. Giải quyết tranh chấp

- 1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên

thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: _____ *[Ghi cụ thể thời gian]* kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: _____ *[Ghi cơ chế xử lý tranh chấp]*.

Điều 15. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ *[Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng]*.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành _____ bộ, chủ đầu tư giữ _____ bộ, nhà thầu giữ _____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
CHỦ ĐẦU TƯ**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu báo giá, báo giá và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Bảng giá tổng hợp].

MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

(nếu có)

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____/[Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]

(sau đây gọi là chủ đầu tư/bên mời thầu)

Theo đề nghị của _____/[Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____/[Ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng thực hiện [hàng hoá/xây lắp/dịch vụ phi tư vấn] cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong bản yêu cầu báo giá (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư/bên mời thầu bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____/[Ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại _____/[Ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____/[Ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư/bên mời thầu bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____/[Ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư/bên mời thầu thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư/bên mời thầu xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____/[Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu _____/[Ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số _____/[Ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG ⁽¹⁾

(nếu có)

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ *[ghi tên Chủ đầu tư]*

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, _____ *[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu]* (sau đây gọi là Nhà thầu) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm Nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng _____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ *[ghi tên của ngân hàng]* ở _____ *[ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ]* có trụ sở đăng ký tại _____ *[ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾]* (sau đây gọi là “ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu Nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá _____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan đến hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định của Hợp đồng sau khi Nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽³⁾ hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

- (1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp.
- (2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.
- (3) Ngày quy định tại nội dung Hợp đồng.